

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHU CÔNG NGHIỆP
DẦU KHÍ LONG SƠN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021



MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHU CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ LONG SON

Lầu 3, tòa nhà Khang Thông, 67 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí IDICO Long Sơn được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4903000409 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 09/8/2007.

Ngày 25/7/2011 Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500811001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/7/2011.

Ngày 20/6/2019, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500811001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 20/6/2019.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500811001 thay đổi lần thứ 8 ngày 20/6/2019 là 827.222.120.000 VND. (Bằng chữ: Tám trăm hai mươi bảy tỷ, hai trăm hai mươi hai triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LONG SON PETROLEUM INDUSTRIAL ZONE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: LONG SON PIC.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang giao dịch trên sàn UpCom (tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội). Mã cổ phiếu: PXL

Trụ sở chính của Công ty tại Lầu 3, Tòa nhà Khang Thông, Số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Lê Bá Thọ	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hồng Hải	Thành viên
	Ông Lê Công Trung	Thành viên
	Ông Đặng Việt Hưng	Thành viên độc lập
Ban Kiểm soát	Ông Trần Ngọc Hưng	Thành viên độc lập
	Ông Nguyễn Đăng Thanh	Trưởng ban
	Ông Bùi Hoàng Giang	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Bà Phạm Thị Huyền Anh	Thành viên
	Ông Lê Công Trung	Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Việt Bằng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Chuyển	Phó Tổng Giám đốc (Nghỉ hưu từ ngày 01/4/2021)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện nêu tại thuyết minh số 7.2 bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Công Trung
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 11 năm 2021

Số: 158/2021/BCSX-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn

Chúng tôi thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn được lập ngày 04/11/2021, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như trình bày tại thuyết minh số 5.4, 5.5 và 5.6 Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, tại ngày 30/6/2021, Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi đối với các khoản nợ phải thu khách hàng với số tiền 8.446.289.699 đồng, trả trước cho người bán với số tiền 450.000.000 đồng và các khoản phải thu khác với số tiền là 83.523.432.005 đồng. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi của khoản nợ phải thu, cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để xác định giá trị dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi hay điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không.

Công ty đã điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 về việc điều chỉnh giảm doanh thu hoạt động tài chính tương ứng với khoản lãi thoái vốn đầu tư vào dự án Khu nhà ở thương mại Tương Bình Hiệp theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 174/2010/HĐHTĐT ngày 28/9/2010 với số tiền 9.765.000.000 đồng là chưa phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 - Thay đổi chính sách kế toán, ước tính và các sai sót. Theo đó, khoản mục "Phải thu ngắn hạn khác" và khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/6/2021 đang được trình bày thấp hơn số tiền 9.765.000.000 đồng (Tại ngày 31/12/2020: 9.765.000.000 đồng).

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 5.6 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ. Khoản công nợ phải thu từ chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Xi măng Dầu Khí 12.9 (nay là Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An) được thanh toán thông qua Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí ("PVC"). Khoản công nợ này sẽ được thu hồi trong vòng 15 năm không tính lãi và giải ngân trực tiếp vào tài khoản của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí ("PVC") để Công ty thu hồi công nợ theo từng lần thanh toán.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.



Bùi Thị Thúy

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2021

CPA VIETNAM
HÀ NỘI
CHỖ
CHỮ
KÝ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		465.747.895.597	532.708.479.360
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.684.736.585	1.815.929.182
1. Tiền	111		1.684.736.585	1.815.929.182
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		21.360.000.000	31.975.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	21.360.000.000	31.975.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		81.234.880.237	75.175.783.391
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.4	27.838.162.723	31.134.350.553
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.5	800.450.000	952.425.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	55.037.801.759	45.530.542.083
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.7	(2.441.534.245)	(2.441.534.245)
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	350.703.498.123	413.123.185.603
1. Hàng tồn kho	141		350.703.498.123	413.123.185.603
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.764.780.652	10.618.581.184
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	47.250.000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.717.530.652	10.618.581.184
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		398.487.374.248	335.580.619.648
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		145.670.312.686	156.058.034.395
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	145.670.312.686	156.058.034.395
II. Tài sản cố định	220		3.733.113.517	4.072.139.833
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	3.733.113.517	4.072.139.833
- Nguyên giá	222		6.223.436.594	6.223.436.594
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.490.323.077)	(2.151.296.761)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	-	-
- Nguyên giá	228		41.782.000	41.782.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(41.782.000)	(41.782.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.12	67.055.116.555	-
1. Nguyên giá	231		68.423.588.321	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.368.471.766)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		30.469.519.823	24.593.293.070
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.13	30.469.519.823	24.593.293.070
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.3	139.515.706.265	138.081.921.218
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		185.287.750.000	185.287.750.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		67.882.391.454	67.882.391.454
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(113.654.435.189)	(115.088.220.236)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12.043.605.402	12.775.231.132
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	12.043.605.402	12.775.231.132
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		864.235.269.845	868.289.099.008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		49.185.278.823	59.468.946.201
I. Nợ ngắn hạn	310		49.185.278.823	59.468.946.201
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	348.649.476	325.341.608
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	1.895.432.141	1.842.395.703
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	15.836.989	34.993.711
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	959.593.802	10.722.456.281
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.18	893.477.923	888.286.930
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	45.072.288.492	45.655.471.968
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		815.049.991.022	808.820.152.807
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.20	815.049.991.022	808.820.152.807
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		827.222.120.000	827.222.120.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		827.222.120.000	827.222.120.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(735.703.081)	(735.703.081)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.264.138.227	12.264.138.227
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		949.808.972	949.808.972
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(24.650.373.096)	(30.880.211.311)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		(30.880.211.311)	(39.059.285.478)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.229.838.215	8.179.074.167
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		864.235.269.845	868.289.099.008

Người lập biểu



Lê Thị Kim Anh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 11 năm 2021
Kế toán trưởng



Phạm Quang Tùng

Tổng Giám đốc



Lê Công Trung

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	2.645.310.137	1.003.204.080
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	735.567.716
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		2.645.310.137	267.636.364
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	1.555.258.013	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		1.090.052.124	267.636.364
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	6.361.877.793	9.884.915.159
7. Chi phí tài chính	22	6.5	(1.411.104.257)	539.632.630
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	539.632.630
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	-	95.463.569
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	2.453.295.959	2.929.676.985
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		6.409.738.215	6.587.778.339
11. Thu nhập khác	31	6.8	-	78.327.304
12. Chi phí khác	32	6.8	179.900.000	375.500.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.8	(179.900.000)	(297.172.696)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		6.229.838.215	6.290.605.643
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		6.229.838.215	6.290.605.643
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	75	76

Người lập biểu



Lê Thị Kim Anh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 11 năm 2021

Kế toán trưởng



Phạm Quang Tùng

Tổng Giám đốc



Lê Công Trung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.229.838.215	6.290.605.643
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		1.707.498.082	307.546.190
- Các khoản dự phòng	03		(1.433.785.047)	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(559.659.979)	(3.613.840.364)
- Chi phí lãi vay	06		-	539.632.630
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		5.943.891.271	3.523.944.099
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.076.262.792	1.584.371.791
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6.003.900.841)	(7.229.584.666)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(14.789.450.416)	(1.300.934.549)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		684.375.730	659.259.138
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(1.558.158.257)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(10.088.821.464)	(4.321.102.444)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(1.350.132.965)	(5.230.186.488)
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(24.160.000.000)	(39.780.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		34.775.000.000	111.270.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		713.072.582	3.613.840.364
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		9.977.939.617	69.873.653.876
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(52.190.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(20.310.750)	(34.179.050)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(20.310.750)	(52.224.179.050)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(131.192.597)	13.328.372.382
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	1.815.929.182	605.906.361
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	1.684.736.585	13.934.278.743

Người lập biểu

Lê Thị Kim Anh

Kế toán trưởng

Phạm Quang Tùng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 11 năm 2021

Tổng Giám đốc



Lê Công Trung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí IDICO Long Sơn được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4903000409 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 09/8/2007.

Ngày 25/7/2011 Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500811001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/7/2011.

Ngày 20/6/2019, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn theo theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500811001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 20/6/2019.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500811001 thay đổi lần thứ 8 ngày 20/6/2019 là 827.222.120.000 VND (*Bằng chữ: Tám trăm hai mươi bảy tỷ, hai trăm hai mươi hai triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LONG SON PETROLEUM INDUSTRIAL ZONE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: LONG SON PIC.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang giao dịch trên sàn UpCom - tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: PXL.

Trụ sở chính của Công ty tại Lầu 3, Tòa nhà Khang Thông, Số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2021 là 24 người (tại ngày 31/12/2020 là 27 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm xây dựng công trình dân dụng; Xây dựng công trình công nghiệp; Công trình giao thông (cầu, đường, cống); Xây dựng công trình thủy lợi; Xây dựng công trình ngầm dưới đất, dưới nước; Xây dựng công trình đường ống cấp- thoát nước; Xây dựng kết cấu công trình; Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị; Trang trí nội, ngoại thất công trình; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh cơ sở hạ tầng và các dịch vụ có liên quan trong khu công nghiệp, khu đô thị; Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng. Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế; Kinh doanh vật tư, máy móc, thiết bị ngành công nghiệp, dầu khí, khai khoáng, lâm nghiệp, nông nghiệp và xây dựng.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Đầu tư kinh doanh bất động sản.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1.4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Từ đầu năm 2021, đại dịch COVID-19 có những ảnh hưởng gần như toàn bộ tới nền kinh tế Việt Nam. Trong bối cảnh hoạt động sản xuất, kinh doanh chịu nhiều tác động do dịch COVID-19, Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Công ty thuộc diện được gia hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và tiền thuê đất trong năm 2021 theo Nghị định số 52/NĐ/2021/NĐ-CP ngày 19/4/2021 của Chính Phủ. Thời gian gia hạn là 05 tháng đối với số thuế giá trị gia tăng từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2021 và quý 1, quý 2 năm 2021, thời gian gia hạn là 04 tháng đối với số thuế giá trị gia tăng của tháng 7 năm 2021, thời gian gia hạn là 03 tháng đối với số thuế giá trị gia tăng của tháng 8 năm 2021. Thời gian gia hạn được tính từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2021, Công ty có các Công ty liên kết như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ góp vốn</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	Tầng 5, phòng 502, số 60 Lê Trung Nghĩa, phường 12, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thiết bị nội, ngoại thất	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	Tòa nhà 33, đường Hai Bà Trưng, phường Lê Hồng Phong, tỉnh Quảng Ngãi	Xây lắp, Đầu tư xây dựng	46,86%	46,86%	46,86%

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho..

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 -10
Thiết bị văn phòng	03

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, thời gian khấu hao trong 25 năm.

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Công ty là bên góp vốn

Các khoản vốn bằng tiền và tài sản góp vào BCC được ghi nhận như một khoản công nợ phải thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Nam Long đầu tư Dự án khu dân cư Nam Long tại xã Long Hòa, huyện Cần Đước, tỉnh Long An theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2010/HĐHTKD/NL-PIVLS ngày 25/10/2010. Công ty giao cho Công ty TNHH Nam Long thực hiện toàn bộ công tác đầu tư, xây dựng dự án theo đúng quy hoạch và thiết kế được phê duyệt, tuân thủ các quy định của pháp luật và nhận lại diện tích đất nền thương phẩm với hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh và mẫu thiết kế các loại nhà ở. Tổng diện tích đất nền thương phẩm Công ty được nhận là 8.791,99 m² (tương đương 108 nền) chiếm khoảng 34,649% tổng diện tích đất nền của dự án.

Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Siêu Thành để đầu tư dự án Chung cư Nam An tại phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 07/2017/ST-DK.IDICO ngày 04/5/2017. Công ty góp vốn bằng tiền với số tiền 8.000.000.000 VND. Thời hạn góp vốn là 03 năm. Việc quản lý, tổ chức kế toán và nghĩa vụ tài chính được thực hiện bởi Công ty TNHH Siêu Thành. Phân chia lợi nhuận cố định hằng năm là 13%/năm trên số tiền góp vốn.

Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc để đầu tư dự án Khách sạn Dầu khí Kinh Bắc theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 56/2010/HĐ/PVC.KBC-PIVLS ngày 04/12/2010. Công ty góp vốn bằng tiền với số tiền 15.000.000.000 VND. Thời hạn góp vốn là 03 năm. Việc quản lý, tổ chức kế toán và nghĩa vụ tài chính được thực hiện bởi Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc. Phân chia lợi nhuận cố định hằng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Tiền thuê văn phòng trả trước

Tiền thuê văn phòng trả trước thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho phần diện tích Công ty đang sử dụng. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (15 năm).

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay: Trích trước theo lãi suất vay trong hợp đồng vay và thời gian vay.
- Chi phí tiền lương: Trích trước theo quy chế tiền lương.
- Chi phí khác: Trích trước trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Hội đồng thành viên phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu dịch vụ cho thuê tài sản hoạt động và doanh thu bán điện.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được xác định và ghi nhận dựa trên sản lượng điện (xác định theo chỉ số trên công tơ điện) và giá bán điện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Hàng bán bị trả lại; Do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: Ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của hoạt động cho thuê tài sản hoạt động và hoạt động bán điện, bao gồm chi khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê và chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm lãi chậm thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chính của Công ty là kinh doanh bất động sản và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	912.401.236	943.960.541
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	772.335.349	871.968.641
Tổng	1.684.736.585	1.815.929.182

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	-	-	4.380.000.000	4.380.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh 3/2 (i)	1.000.000.000	1.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	-	-	12.440.000.000	12.440.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	-	-	13.155.000.000	13.155.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh (i)	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh (i)	15.360.000.000	15.360.000.000	-	-
Tổng	21.360.000.000	21.360.000.000	31.975.000.000	31.975.000.000

(i) Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng thương mại, có kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 3,7%/năm - 4,9%/năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.3 Đầu tư tài chính dài hạn

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ		30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			185.287.750.000	47.625.390.558	185.287.750.000	48.274.233.766
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (ii)	20%	20%	14.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (ii) (*)	46,86%	46,86%	171.287.750.000	33.625.390.558	171.287.750.000	34.274.233.766
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			67.882.391.454	66.029.044.631	67.882.391.454	66.813.986.470
Công ty Cổ phần Dầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (i)	8,14%	8,14%	28.500.000.000	26.646.653.177	28.500.000.000	27.431.595.016
Công ty Cổ phần Dầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (ii)	7,33%	7,33%	11.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí Lam Kinh (ii)	14,94%	14,94%	28.382.391.454	28.382.391.454	28.382.391.454	28.382.391.454
Tổng			253.170.141.454	113.654.435.189	253.170.141.454	115.088.220.236

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày:

(i) Công ty đã xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

(ii) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

(*) Công ty đã ký hợp đồng ủy quyền cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) triển khai các công việc để thoái vốn toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn. Phương thức thoái vốn là chào bán cho dưới 100 nhà đầu tư/Thỏa thuận trực tiếp với nhà đầu tư và giá chuyển nhượng khởi điểm là 12.415 VND/cổ phần. Đến ngày phát hành báo cáo này, các công việc thoái vốn của Công ty vẫn chưa hoàn tất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.4 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>30/6/2021</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2021</u> <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Địa ốc Khang Gia (i)	5.686.145.662	5.686.145.662
Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản An Phước Lộc (i)	2.760.144.037	2.760.144.037
Các đối tượng phải thu còn lại	19.391.873.024	22.688.060.854
Tổng	<u>27.838.162.723</u>	<u>31.134.350.553</u>
Trong đó:		
<i>Phải thu khác hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>	<i>91.000.000</i>	<i>91.000.000</i>

- (i) Nợ phải thu liên quan đến hợp đồng mua bán căn hộ thuộc Chung cư Khang Gia, các khoản nợ này đã quá hạn thanh toán. Tại ngày 30/6/2021, Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi của các khoản nợ phải thu này với số tiền là 8.446.289.699 đồng (Tại ngày 31/12/2020: 8.446.289.699 đồng).

5.5 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>30/6/2021</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2021</u> <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Địa ốc Khang Gia (i)	450.000.000	450.000.000
Các đối tượng khác	350.450.000	502.425.000
Tổng	<u>800.450.000</u>	<u>952.425.000</u>

- (i) Trả trước cho người bán liên quan đến hợp đồng môi giới bán căn hộ với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Địa ốc Khang Gia, khoản nợ này đã quá hạn thanh toán. Tại ngày 30/6/2021, Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi của các khoản trả trước cho người bán này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.6 Phải thu khác

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	55.037.801.759	2.350.534.245	45.530.542.083	2.350.534.245
Đầu tư các dự án không hình thành cơ sở đồng kiểm soát	14.585.883.539	-	14.585.883.539	-
<i>Phải thu Công ty TNHH Nam Long - Dự án khu dân cư Nam Long (i)</i>	6.585.883.539	-	6.585.883.539	-
<i>Phải thu Công ty TNHH Siêu Thành - Dự án chung cư Nam An (ii)</i>	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-
Phải thu lợi nhuận hợp tác đầu tư được chia	2.210.534.245	2.210.534.245	2.210.534.245	2.210.534.245
<i>Công ty Cổ phần Nội ngoại thất Dầu Khí (PVC - Metal)</i>	987.000.000	987.000.000	987.000.000	987.000.000
<i>Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (v)</i>	1.223.534.245	1.223.534.245	1.223.534.245	1.223.534.245
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	144.970.357	-	298.382.960	-
Phải thu tiền lãi hợp tác đầu tư của Công ty TNHH Siêu Thành (ii)	2.795.692.541	-	2.795.692.541	-
Phải thu phí bảo trì các căn hộ chung cư	144.790.652	-	144.790.652	-
Phải thu người lao động	196.000.000	-	216.000.000	-
Tạm ứng	179.660.648	140.000.000	226.627.958	140.000.000
Phải thu tiền giữ chân căn hộ của Công ty Cổ Phần VINA Đại Phước	25.952.781.592	-	20.493.198.062	-
Phải thu Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	989.773.542	-	-	-
Phải thu khác	7.837.714.643	-	4.559.432.126	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.6. Phải thu khác (Tiếp theo)

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
b) Dài hạn	145.670.312.686	-	156.058.034.395	-
Phải thu Công ty Cổ phần Vạn Khởi Thành (iii)	42.825.000.000	-	42.825.000.000	-
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An (PVNC) (iv)	87.845.312.686	-	98.233.034.395	-
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (v)	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Tổng	200.708.114.445	2.350.534.245	201.588.576.478	2.350.534.245

Trong đó:

Phải thu khác là các bên liên quan	17.210.534.245	2.210.534.245	17.210.534.245	2.210.534.245
-----------------------------------------------	-----------------------	----------------------	-----------------------	----------------------

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)

- (i) Nợ phải thu liên quan đến Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2010/HĐHTKD/NL-PIVLS ngày 25/10/2010 với Công ty TNHH Nam Long về việc góp vốn đầu tư vào dự án Khu dân cư Nam Long tại xã Long Hòa, huyện Cần Đước, tỉnh Long An. Theo quy định của Hợp đồng hợp tác đầu tư, Công ty giao cho Công ty TNHH Nam Long thực hiện toàn bộ công tác đầu tư, xây dựng dự án theo đúng quy hoạch và thiết kế được phê duyệt, tuân thủ các quy định của pháp luật và nhận lại diện tích đất nền thương phẩm với hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh và mẫu thiết kế các loại nhà ở.

Đến ngày 30/6/2021, dự án trên đã ngừng triển khai, Công ty đang tiếp tục theo dõi diễn biến để thu hồi và quản lý nợ theo quy định.

- (ii) Nợ phải thu liên quan đến Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 07/2017/ST-DK.IDICO ngày 04/05/2017 với Công ty TNHH Siêu Thành về việc góp vốn đầu tư vào dự án Chung cư Nam An tại phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng số tiền Công ty đã góp vốn vào dự án là 8.000.000.000 đồng. Thời hạn góp vốn là 03 năm. Phân chia lợi nhuận cố định 13%/năm. Đến nay, Hợp đồng hợp tác kinh doanh đã hết thời hạn, nhưng Công ty TNHH Siêu Thành vẫn chưa hoàn trả lại tiền góp vốn đầu tư và lợi nhuận hợp tác đầu tư theo quy định của hợp đồng hợp tác đầu tư.

Ngày 24/3/2021, Công ty đã khởi kiện Công ty TNHH Siêu Thành tại Tòa án Nhân dân thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 30/6/2021, Công ty đang tiếp tục theo dõi diễn biến để thu hồi và quản lý nợ theo quy định.

- (iii) Thể hiện khoản vốn góp đầu tư của Công ty vào Dự án Khu nhà ở thương mại Tương Bình Hiệp tại xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 174/2010/HĐHTĐT ngày 28/9/2010 giữa ba bên gồm Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Hồng (Nay là Công ty Cổ phần Vạn Khởi Thành "VKT"), Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí ("Petroland"). Tỷ lệ góp vốn của các bên lần lượt là 40%; 30%; 30%, các bên thỏa thuận phương thức hợp tác là cùng góp vốn, cùng hợp tác thực hiện và cùng phân chia lợi nhuận, rủi ro theo tỷ lệ góp vốn mà không thành lập pháp nhân. Tổng số vốn đã góp của Công ty là 48.825.000.000 VND.

Theo biên bản thỏa thuận ngày 29/3/2019 giữa Công ty, VKT và Petroland về việc VKT hoàn trả lại cho Công ty phần vốn góp vào dự án. Đến ngày 30/6/2021, VKT đã thực hoàn trả tiền góp vốn cho Công ty với số tiền là 6.000.000.000 đồng, số tiền góp vốn còn lại là 42.825.000.000 đồng chưa hoàn trả, VKT xin giãn thời hạn thanh toán do gặp khó khăn về tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.6 Phải thu khác (Tiếp theo)

Ngày 13/4/2020, Công ty đã có công văn số 99/CV-TGD gửi VKT thông báo về việc do VKT đã nhiều lần không thực hiện theo cam kết đã thống nhất trong Biên bản thỏa thuận giữa 2 bên về việc hoàn lại phần vốn góp của Công ty. Theo đó, Công ty đã đơn phương chấm dứt Biên bản thỏa thuận hoàn lại phần vốn góp. Theo các điều khoản đã thỏa thuận, Công ty sẽ không hoàn trả lại số tiền đặt cọc của VKT và phần vốn góp của Công ty sẽ giữ nguyên giá trị ban đầu, Công ty sẽ tìm đối tác khác có đủ năng lực tài chính để chuyển nhượng phần vốn góp tại Dự án. Đến ngày 30/6/2021, Công ty đang tiếp tục theo dõi diễn biến để thu hồi và quản lý nợ theo quy định.

- (iv) Nợ phải thu liên quan đến liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Xi măng Dầu Khí 12.9 (nay là Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An) theo hợp đồng số 29/HĐCN/PIVLS-PVNC ký ngày 19/4/2010 giữa Công ty và Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Xây lắp Dầu Khí Nghệ An (“PVNC”) với tổng giá trị vốn góp là 104.920.000.000 đồng (tương ứng với số lượng cổ phần là 10.000.000 cổ phần).

Ngày 04/3/2015, PVNC đã thực hiện ký kết hợp đồng chuyển nhượng số 28/HĐ-PVNC-VISSAI với Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát Vissai (“VISSAI”) về việc chuyển nhượng số lượng cổ phần nói trên với giá trị là 9.219 VND/cổ phần (giá trị chuyển nhượng 92.190.000.000 đồng). Phần chênh lệch giữa giá trị chuyển nhượng ký hợp đồng với VISSAI so với số tiền vốn góp ban đầu là 12.730.000.000 VND, PVNC có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty. Đối với số tiền 92.190.000.000 VND thuộc nghĩa vụ của VISSAI, theo Nghị quyết số 139/NQ-XLDK ngày 30/3/2015 của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (“PVC”) về việc thông qua các vấn đề liên quan đến việc chuyển nhượng phần vốn góp tại PVNC của PVC và Công ty. Khoản công nợ này sẽ được thu hồi trong vòng 15 năm, số tiền phải thanh toán một kỳ là 512.158.079 đồng, không tính lãi và giải ngân trực tiếp vào tài khoản của PVC để Công ty thu hồi công nợ theo từng lần thanh toán khi VISSAI thanh toán tiền mua cổ phần nói trên.

Căn cứ Biên bản thỏa thuận ngày 24/7/2017 giữa Công ty và PVC, số tiền nhận được từ chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An sẽ được bù trừ với số tiền lãi phát sinh phải trả đến ngày 26/9/2011 theo hợp đồng vay vốn từ nguồn ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương thông qua PVC.

Tại ngày 30/6/2021, tổng số dư nợ phải thu là 87.845.312.686 đồng, số dư phải thu từ VISSAI thông qua PVC là 75.115.312.686 đồng, nợ phải thu đã đến đến hạn thu là 51.141.855.925 đồng. Công ty đang tiếp tục theo dõi diễn biến để thu hồi và quản lý nợ theo quy định.

- (v) Thể hiện khoản vốn góp theo tiến độ của Công ty theo hợp đồng hợp tác kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ của dự án Khách sạn Dầu khí Kinh Bắc số 56/2010/HĐ/PVC.KBC-PIVLS ngày 04/12/2010 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (“PVC-KBC”). Đến ngày 30/6/2021, dự án trên đã ngừng triển khai, Công ty đang tiếp tục theo dõi diễn biến để thu hồi và quản lý nợ theo quy định.

Tại ngày 30/6/2021, Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi của các khoản nợ phải thu tiền góp vốn vào dự án Chung cư Nam Long của Công ty TNHH Nam Long, phải thu tiền góp vốn vào dự án Chung cư Nam An của Công ty TNHH Siêu Thành, phải thu từ chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An và phải thu tiền góp vốn vào dự án Khách sạn Dầu khí Kinh Bắc của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc với tổng số tiền là 83.523.432.005 đồng (Tại ngày 31/12/2020: 83.523.432.005 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.7 Nợ xấu

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	2.441.534.245	-	2.441.534.245	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal)	987.000.000	-	987.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	1.223.534.245	-	1.223.534.245	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí Ông Trần Mạnh Dũng	91.000.000	-	91.000.000	-
	140.000.000	-	140.000.000	-
	Quá hạn dưới 01 năm	Quá hạn 01-02 năm	Quá hạn 02-03 năm	Quá hạn trên 03 năm
<i>Trong đó:</i>				
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal)	-	-	-	987.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	-	-	-	1.223.534.245
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí Ông Trần Mạnh Dũng	-	-	-	91.000.000
	-	-	-	140.000.000
Tổng	-	-	-	2.441.534.245

5.8 Hàng tồn kho

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	338.996.379.178	-	401.412.815.366	-
Hàng hóa bất động sản	11.707.118.945	-	11.710.370.237	-
Tổng	350.703.498.123	-	413.123.185.603	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.8 Hàng tồn kho (Tiếp theo)

- (i) Đến ngày 30/6/2021, Dự án chung cư Huỳnh Tấn Phát đã hoàn thành công tác thi công, nghiệm thu hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng. Đây là hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát giữa Công ty với Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ Khang Thông, Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và dân dụng Dầu khí (“PVC-IC”), trong đó Công ty là nhà điều hành. Hiện nay, Công ty đang yêu cầu Công ty Cổ phần Tập đoàn Khang Thông (Chủ đầu tư) khẩn trương thực hiện các thủ tục đóng tiền sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước để hoàn thành chuyển đổi mục đích sử dụng đất dự án làm cơ sở cấp Giấy chủ quyền cho 180 căn hộ và hơn 5.000 m² sàn trung tâm thương mại.

Trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021, Công ty đã vốn hóa chi phí lãi vay vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của dự án tương ứng với tiền lãi phát sinh từ số dư vốn mà Công ty đã ứng cho hợp danh căn cứ theo biên bản hợp hợp danh ngày 27/12/2019 về việc Công ty được tiếp tục được tính và hưởng chi phí sử dụng vốn tương ứng với số dư vốn mà Công ty đã ứng cho hợp danh kể từ ngày 01/01/2020.

5.9 Chi phí trả trước

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn	47.250.000	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	47.250.000	-
b) Dài hạn	12.043.605.402	12.775.231.132
Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng (i)	11.940.920.583	12.643.327.677
Chi phí chờ phân bổ khác	102.684.819	131.903.455
Tổng	12.090.855.402	12.775.231.132

- (i) Chi phí trả trước là chi phí tiền thuê văn phòng đã trả trước cho 15 năm để thuê Lầu 3, Tòa nhà Khang Thông tại địa chỉ số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê. Thời hạn thuê đến năm 2030.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.10 Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại ngày 01/01/2021	1.588.482.957	4.464.700.001	170.253.636	6.223.436.594
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2021	1.588.482.957	4.464.700.001	170.253.636	6.223.436.594
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại ngày 01/01/2021	79.424.148	1.952.286.540	119.586.073	2.151.296.761
Tăng trong kỳ	39.712.074	280.947.576	18.366.666	339.026.316
Khấu hao trong kỳ	39.712.074	280.947.576	18.366.666	339.026.316
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2021	119.136.222	2.233.234.116	137.952.739	2.490.323.077
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2021	1.509.058.809	2.512.413.461	50.667.563	4.072.139.833
Tại ngày 30/6/2021	1.469.346.735	2.231.465.885	32.300.897	3.733.113.517

Trong đó:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2021 là 1.350.508.182 VND. (tại ngày ngày 31/12/2020 là 1.350.508.182 VND)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.11 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2021	41.782.000	41.782.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2021	<u>41.782.000</u>	<u>41.782.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2021	41.782.000	41.782.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2021	<u>41.782.000</u>	<u>41.782.000</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2021	-	-
Tại ngày 30/6/2021	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2021 là 41.782.000 VND (tại ngày 31/12/2020 là 41.782.000 VND).

5.12 Bất động sản đầu tư

	01/01/2021 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/6/2021 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	-	68.423.588.321	-	68.423.588.321
- Nhà cửa, vật kiến trúc				-
Sàn thương mại chung cư Huỳnh Tấn Phát (6 tầng)	-	68.423.588.321	-	68.423.588.321
Giá trị hao mòn lũy kế	-	1.368.471.766	-	1.368.471.766
- Nhà cửa, vật kiến trúc				-
Sàn thương mại chung cư Huỳnh Tấn Phát (6 tầng)	-	1.368.471.766	-	1.368.471.766
Giá trị còn lại	-	67.055.116.555	-	67.055.116.555
- Nhà cửa, vật kiến trúc				-
Sàn thương mại chung cư Huỳnh Tấn Phát (6 tầng)	-	67.055.116.555	-	67.055.116.555

Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty là sàn trung tâm thương mại tại số 1351 Huỳnh Tấn Phát, phường Phú Mỹ, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh được Công ty sử dụng để cho thuê hoạt động.

Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ lần lượt là 2.230.229.587 VND và 660.993.406 VND.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2021 cần được trình bày. Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Dự án 65 ha Chí Linh - Cửa Lấp (i)	12.270.210.405	12.270.210.405
Dự án Khu Công nghiệp Dầu khí Long Sơn	18.199.309.418	12.323.082.665
Tổng	30.469.519.823	24.593.293.070

- (i) Tại ngày 30/6/2021, dự án đã thực hiện xong các công tác trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư: Lập dự án, rà phá bom mìn và vật nổ, khảo sát lập quy hoạch 1/500 và khảo sát địa chất phục vụ thiết kế bản vẽ thi công. Công ty đã ký văn bản thỏa thuận và tạm ứng kinh phí cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Vũng Tàu để triển khai lập phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư làm cơ sở để triển khai công tác đền bù giải phóng mặt bằng. Hiện nay, Ban Tổng Giám đốc Công ty đang tập trung làm việc với các Sở ban ngành và một số đối tác có nguyện vọng hợp tác đầu tư vào dự án để thực hiện thủ tục xin gia hạn giấy chứng nhận đầu tư.

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Các đối tượng khác	348.649.476	348.649.476	325.341.608	325.341.608
Tổng	348.649.476	348.649.476	325.341.608	325.341.608

5.15 Người mua trả tiền trước

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Các đối tượng khác	1.895.432.141	1.842.395.703
Tổng	1.895.432.141	1.842.395.703

5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	01/01/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2021
Phải nộp	34.993.711	106.122.306	125.279.028	15.836.989
Thuế thu nhập cá nhân	26.458.064	103.122.306	122.279.028	7.301.342
Các loại thuế khác	8.535.647	3.000.000	3.000.000	8.535.647

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Lãi vay phải trả	-	9.375.267.377
Tiền lương phải trả	263.893.945	651.489.047
Chi phí phải trả khác	695.699.857	695.699.857
Tổng	959.593.802	10.722.456.281

5.18 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền cho thuê trung tâm thương mại nhận trước	893.477.923	888.286.930
Tổng	893.477.923	888.286.930

5.19 Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	18.923.848	65.212.264
Bảo hiểm xã hội	1.205.998	1.205.997
Bảo hiểm y tế	1.513.408	1.513.408
Bảo hiểm thất nghiệp	94.588	94.588
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	9.869.083.987	9.889.394.737
Phải trả hợp đồng dự án Chung cư Huỳnh Tấn Phát (i)	28.106.300.000	28.106.300.000
- Giá trị góp vốn (tiền đất) vào dự án còn phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Khang Thông	8.760.500.000	8.760.500.000
- Giá trị góp vốn 5% vốn góp (tiền đất) của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khang Thông	6.448.600.000	6.448.600.000
- Giá trị góp vốn 10% vốn góp (tiền đất) của Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	12.897.200.000	12.897.200.000
Phải trả về tiền phí bảo trì các căn hộ của dự án chung cư Huỳnh Tấn Phát	2.036.359.273	2.644.141.779
Nhận đặt cọc từ cho thuê căn hộ, sàn thương mại	4.705.527.700	4.691.527.700
Các khoản phải trả khác	333.279.690	256.081.495
Tổng	45.072.288.492	45.655.471.968

(i) Nợ phải trả liên quan đến Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 20/2010/BCC/KT-PIVLS-PETROLAND-PVFC LAND ngày 08/6/2010 và các phụ lục hợp đồng với Công ty Cổ phần Khang Thông và Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí về việc hợp tác kinh doanh dự án Chung cư Huỳnh Tấn Phát. Đây là hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát. Công ty là đại diện chủ đầu tư, đồng thời là nhà điều hành dự án. Phân chia lợi nhuận/chịu lỗ sau khi xác định được kết quả kinh doanh của cả dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.20 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2020	827.222.120.000	(735.703.081)	12.264.138.227	949.808.972	(39.059.285.478)	800.641.078.640
Tăng trong năm	-	-	-	-	8.179.074.167	8.179.074.167
Lãi trong năm	-	-	-	-	8.179.074.167	8.179.074.167
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	827.222.120.000	(735.703.081)	12.264.138.227	949.808.972	(30.880.211.311)	808.820.152.807
Số dư tại 01/01/2021	827.222.120.000	(735.703.081)	12.264.138.227	949.808.972	(30.880.211.311)	808.820.152.807
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	6.229.838.215	6.229.838.215
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	6.229.838.215	6.229.838.215
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2021	827.222.120.000	(735.703.081)	12.264.138.227	949.808.972	(24.650.373.096)	815.049.991.022

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đối tượng	30/6/2021			01/01/2021		
	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá
Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex	19,10%	15.802.005	158.020.050.000	19,10%	15.802.005	158.020.050.000
Tổng Công ty IDICO - CTCP	8,54%	7.064.103	70.641.030.000	8,54%	7.064.103	70.641.030.000
Các đối tượng khác	72,36%	59.856.104	598.561.040.000	72,36%	59.856.104	598.561.040.000
Tổng	100%	82.722.212	827.222.120.000	100%	82.722.212	827.222.120.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Vốn góp đầu kỳ	827.222.120.000	827.222.120.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	827.222.120.000	827.222.120.000

d. Cổ phiếu

	30/6/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	82.574.412	82.574.412
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	82.722.212	82.722.212
Cổ phiếu phổ thông	82.722.212	82.722.212
Số lượng cổ phiếu được mua lại	147.800	147.800
Cổ phiếu phổ thông	147.800	147.800
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	82.574.412	82.574.412
Cổ phiếu phổ thông	82.574.412	82.574.412
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Các quỹ của Công ty

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	12.264.138.227	12.264.138.227
Quỹ khác vốn chủ sở hữu	949.808.972	949.808.972
Tổng	13.213.947.199	13.213.947.199

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động	2.437.769.862	267.636.364
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	735.567.716
Doanh thu bán điện	207.540.275	-
Tổng	2.645.310.137	1.003.204.080

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Hàng bán bị trả lại	-	735.567.716
Tổng	-	735.567.716

6.3 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Giá vốn cho thuê tài sản hoạt động	1.368.471.766	-
Giá vốn bán điện	186.786.247	-
Tổng	1.555.258.013	-

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi tiền gửi	559.659.979	2.863.097.796
Lãi tiền ứng vốn cho hợp danh - Dự án Chung cư Huỳnh Tấn Phát (i)	5.802.217.814	7.021.817.363
Tổng	6.361.877.793	9.884.915.159

(i) Tiền lãi phát sinh từ số dư vốn đã ứng cho hợp danh theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát là dự án chung cư Huỳnh Tấn Phát giữa Công ty với Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ Khang Thông, Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và dân dụng Dầu khí ("PVC-IC"). Hiện nay, Dự án chung cư Huỳnh Tấn Phát đã hoàn thành công tác thi công, được nghiệm thu hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng. Theo biên bản hợp hợp danh ngày 27/12/2019, các bên hợp danh đã thống nhất việc Công ty được tiếp tục được tính và hưởng chi phí sử dụng vốn tương ứng với số dư vốn mà Công ty đã ứng cho hợp danh kể từ ngày 01/01/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.5 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi tiền vay	-	539.632.630
Lãi chậm thanh toán	22.680.790	-
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(1.433.785.047)	-
Tổng	(1.411.104.257)	539.632.630

6.6 Chi phí bán hàng

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nhân viên	-	95.463.569
Tổng	-	95.463.569

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.255.094.100	1.017.259.522
Chi phí vật liệu quản lý	14.305.080	27.727.021
Chi phí đồ dùng văn phòng	18.635.590	20.008.704
Chi phí khấu hao tài sản cố định	89.794.272	211.244.040
Thuế phí và lệ phí	35.752.047	56.268.851
Chi phí dịch vụ mua ngoài	539.479.463	794.394.501
Chi phí bằng tiền khác	500.235.407	802.774.346
Tổng	2.453.295.959	2.929.676.985

6.8 Lợi nhuận khác

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Thu nhập khác		
Các khoản khác	-	78.327.304
Tổng	-	78.327.304
Chi phí khác		
Các khoản khác	179.900.000	375.500.000
Tổng	179.900.000	375.500.000
Lợi nhuận khác	(179.900.000)	(297.172.696)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32.940.670	47.735.725
Chi phí nhân công	1.255.094.100	1.112.723.091
Chi phí khấu hao tài sản cố định	339.026.316	307.546.190
Chi phí dịch vụ mua ngoài	539.479.463	794.394.501
Chi phí khác bằng tiền	535.987.454	859.043.197
Tổng	2.702.528.003	3.121.442.704

6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.229.838.215	6.290.605.643
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>439.566.683</i>	<i>711.307.327</i>
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>439.566.683</i>	<i>711.307.327</i>
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Thu nhập chịu thuế	6.669.404.898	7.001.912.970
Chuyển lỗ của các năm trước	6.669.404.898	7.001.912.970
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế TNDN hiện hành	-	-

Tình hình chuyển lỗ của Công ty trong kỳ:

Năm phát sinh lỗ	Lỗ tính thuế	Số lỗ đã chuyển trong các kỳ tính thuế trước	Chuyển lỗ trong kỳ	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau
2016	4.126.105.940	3.458.371.285	667.734.655	-
2018	916.275.405	-	916.275.405	-
2019	11.013.417.637	-	5.085.394.838	5.928.022.799
Tổng	16.055.798.982	3.458.371.285	6.669.404.898	5.928.022.799

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cho khoản lỗ này vì Công ty không chắc chắn về khoản lợi nhuận trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.229.838.215	6.290.605.643
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.229.838.215	6.290.605.643
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	82.574.412	82.574.412
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	75	76

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2021 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Các khoản khoản cam kết

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê sản trung tâm thương mại tại dự án Chung cư Huỳnh Tấn Phát theo hợp đồng cho thuê hoạt động với Công ty TNHH JVA Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH Power P.T.P, theo đó, giá cho thuê hoạt động được thỏa thuận hàng năm.

7.2 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Từ ngày 09/7/2021 đến thời điểm hiện nay, đại dịch COVID-19 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam vẫn đang diễn biến hết sức phức tạp, khó lường và có những sự không chắc chắn. Trên thế giới, dịch bệnh vẫn đang có những diễn biến xấu và chưa được kiểm soát. Sự không chắc chắn này đặt ra các câu hỏi về sự suy giảm giá trị của một số tài sản nhất định và gây ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Công ty. Do tình hình diễn biến phức tạp nên sự ảnh hưởng của dịch bệnh vẫn chưa được đánh giá đầy đủ. Tuy nhiên, rất có thể đại dịch COVID-19 sẽ tiếp tục ảnh hưởng đáng kể tới doanh thu và kết quả hoạt động trong giai đoạn tiếp theo của Công ty, mức độ cụ thể phụ thuộc vào thời gian kéo dài của dịch bệnh và tình hình kiểm soát của Chính phủ.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/6/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.3 Thông tin về các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Lương, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng Quản trị

Bên liên quan	Chức danh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 Trình bày lại VND
Ông Lê Bá Thọ	Chủ tịch	312.539.500	-
Ông Nguyễn Đức Đạt	Nguyên Chủ tịch	-	141.025.761
Ông Nguyễn Hồng Hải	Thành viên	50.333.336	45.333.336
Ông Lê Công Trung	Thành viên	33.333.336	33.333.336
Ông Đặng Việt Hưng	Thành viên độc lập	50.333.336	45.333.336
Ông Trần Ngọc Hưng	Thành viên độc lập	50.333.336	45.333.336
Tổng		496.872.844	310.359.105

Thù lao của thành viên Ban Kiểm soát

Bên liên quan	Chức danh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 Trình bày lại VND
Ông Nguyễn Đăng Thanh	Trưởng ban	43.333.336	45.333.336
Ông Bùi Hoàng Giang	Thành viên	6.000.001	17.000.001
Bà Phạm Thị Huyền Anh	Thành viên	10.000.001	10.000.001
Tổng		59.333.338	72.333.338

Tiền lương và các lợi ích khác của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Bên liên quan	Chức danh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 Trình bày lại VND
Ông Lê Công Trung	Tổng Giám đốc	315.379.000	290.759.091
Ông Phạm Việt Bằng	Phó Tổng Giám đốc	271.925.499	257.463.638
Ông Lê Chuyên	Nguyên Phó Tổng Giám đốc	147.173.227	247.031.818
Tổng		734.477.726	795.254.547

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất số dư	30/6/2021 VND	01/01/2021 Trình bày lại VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			91.000.000	91.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng	91.000.000	91.000.000
Phải thu khác ngắn hạn			17.210.534.245	17.210.534.245
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	Công ty liên kết	Cổ tức	987.000.000	987.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	Công ty đầu tư khác	Cổ tức	1.223.534.245	1.223.534.245
		Tiền góp vốn hợp tác	15.000.000.000	15.000.000.000

7.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

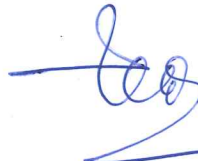
Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập



Lê Thị Kim Anh

Kế toán trưởng



Phạm Quang Tùng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 11 năm 2021

Tổng Giám đốc



Lê Công Trung